TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN MỎ CÀY NAM** TỈNH BẾN TRE	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 86/2018/DS- ST
Ngày 17/10/2018
V/v: "Tranh chấp hợp đồng góp hụi "

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỎ CÀY NAM, TỈNH BẾN TRE

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Ông Huỳnh Minh Trí

- *Các Hội thẩm nhân dân*:

1. Ông Lê Văn Nhàn

2. Ông Phạm Hồng Vũ

- *Thư ký ghi biên bản:* Bà Hồ Thị Lài- Thư ký Tòa án.

Ngày **17** tháng **10** năm **2018** tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 208/2018/TLST-DS, ngày 17/7/2018 về việc *" Tranh chấp hợp đồng góp hụi"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 215/2018/QĐXXST-DS ngày 24 tháng 9 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 223/2018/QĐXXST-DS ngày 03 tháng 10 năm 2018 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: Chị **Kim Thị Thùy L**, sinh: 1980.(Có mặt)

Địa chỉ: ấp A1, xã Đ, huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre.

2. *Bị đơn:* Chị **Trần Thị Hồng N**, sinh: 1979.

Địa chỉ: ấp A2, xã Đ, huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Anh **Phan Phúc N**, sinh: 1977.

Địa chỉ: ấp A2, xã Đ, huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 17/7/2018, bản tự khai cùng với các tài liệu chứng cứ cung cấp cho Tòa án cũng như tại phiên tòa hôm nay chị Kim Thị Thùy L trình bày:

Vào ngày 21/6/2017 âm lịch chị N có tham gia dây hụi do chị làm đầu thảo, hụi 1.000.000 đồng, gồm 25 phần khui ngày 12/6/2017 âm lịch, chị N đóng được 02 lần đến lần thứ 03 thì chị N hốt được số tiền 15.200.000 đồng và không đóng hụi chết tổng cộng 11 tháng là 11.000.000 đồng. Việc chị Nchơi hụi chồng chị N cũng biết và

nhằm phục vụ kinh tế gia đình nên nay yêu cầu chị Trần Thị Hồng N và anh Phan Phúc N liên đới có nghĩa vụ trả số tiền hụi là 11.000.000 đồng và không yêu cầu tính lãi.

Theo bản khai, biên bản hòa giải cũng như tại phiên tòa hôm nay chị Trần Thị Hồng N trình bày:

Chị thừa nhận có tham gia dây hụi như chị L trình bày, hiện tại chị còn thiếu chị L số tiền 11.000.000 đồng. Do điều kiện kinh tế khó khăn nên chị xin trả dần cho chị L mỗi tháng 500.000 đồng đến khi dứt nợ. Việc chơi hụi chỉ một mình chị tham gia không liên quan gì đến chồng chị nên chị không yêu cầu chồng chị là anh N liên đới cùng trả.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào lời trình bày của các đương sự, căn cứ vào kết quả tranh luận. Hội đồng xét xử nhận thấy:

Về tố tụng:

Căn cứ vào đơn khởi kiện đề ngày 17/7/2018 của chị Kim Thị Thùy L đối với chị Trần Thị Hồng N thì vụ án có quan hệ tranh chấp là *"Tranh chấp hợp đồng góp hụi*". Quan hệ pháp luật tranh chấp nêu trên được quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam.

Chị Kim Thị Thùy L có nơi cư trú tại xã Đ, huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam thụ lý đúng thẩm quyền.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre đã tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, thông báo mở phiên họp công khai chứng cứ cũng như thông báo hòa giải cho anh N đến Tòa để tiến hành hòa giải nhưng anh N vắng mặt không có lý do. Ngoài ra, Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre đã triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2, nhưng anh N vẫn vắng mặt không rõ lý do. Do đó, căn cứ điểm b, khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre tiến hành xét xử vắng mặt đối với anh N.

Về nội dung:

Xét về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thấy rằng giữa nguyên đơn và bị đơn thống nhất về số tiền mà nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả là 11.000.000 đồng. Đây là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh quy định tại Điều 92 Bộ luật Tố dụng dân sự năm 2015.

Tại phiên tòa nguyên đơn giữ yêu cầu buộc bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trả số tiền gốc là 11.000.000 đồng và không yêu cầu tính lãi. Bị đơn xin trả dần mỗi tháng 500.000 đồng đến khi dứt nợ, người có quyền lợi, nghĩa vụ

liên quan anh Phan Phúc N vắng mặt trong tất cả các lần hòa giải và tham dự phiên tòa.

Hội đồng xét xử thấy rằng:

Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Phan Phúc N có nghĩa vụ liên đới cùng chị Trần Thị Hồng N trả số tiền 11.000.000 đồng. Tại phiên tòa chị N thừa nhận chị và anh Phan Phúc N là vợ chồng, hôn nhân giữa chị và anh N vẫn đang tồn tại, việc chơi hụi nhằm trang trải trong cuộc sống gia đình. Do đó, căn cứ Điều 27 và Điều 30 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 cần buộc anh Phan Phúc N có nghĩa vụ liên đới với chị N trả số tiền 11.000.000 đồng cho chị L là phù hợp.

Đối với yêu cầu của bị đơn về việc xin trả dần mỗi tháng 500.000 đồng đến khi dứt nợ: Việc xin trả dần của bị đơn không được phía nguyên đơn đồng ý và xét việc xin trả dần thuộc về giai đoạn thi hành án nên không có cơ sở xem xét.

Từ những phân tích nêu trên, cần buộc chị Trần Thị Hồng N và anh Phan Phúc N liên đới có nghĩa vụ trả cho chị Kim Thị Thùy L số tiền là 11.000.000 đồng là phù hợp.

Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là: 11.000.000 đồng x 5% = 550.000 đồng, chị N, anh N có nghĩa vụ nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng Điều 103, 116, 280, 288, 351, 471Bộ luật dân sự năm 2015.
- Áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, 91, 92, 93, 96, 147 và khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.
- Áp dụng Điều 27, Điều 30 Luật hôn nhân gia đình năm 2014.
- Áp dụng Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Kim Thị Thùy L đối với chị Trần Thị Hồng N và anh Phan Phúc N.

Cụ thể tuyên:

Buộc chị Trần Thị Hồng N và anh Phan Phúc N liên đới có nghĩa vụ trả cho chị Kim Thị Thùy L số tiền là 11.000.000 (*Mười một triệu*) đồng.

Kể từ khi bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

2. Về án phí: Chị Trần Thị Hồng N và anh Phan Phúc N liên đới có nghĩa vụ chịu án phí dân sự sơ thẩm với số tiền 550.000 (*Năm trăm năm mươi nghìn*) đồng. Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre hoàn lại cho chị Kim Thị Thùy L số tiền 550.000 (*Năm trăm năm mươi nghìn*) đồng theo biên lai thu số 0018782 ngày 17 tháng 7 năm 2018.

Đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết để yêu cầu Toà án cấp trên xét xử phúc thẩm.

***Nơi nhận*:**
- *VKSND huyện Mỏ Cày Nam*.
- *TAND tỉnh Bến Tre*.
- *CCTHADS huyện Mỏ Cày Nam*.
- C*ác đương sự*.
- *Lưu hồ sơ.*

T/M.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Huỳnh Minh Trí